TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /2026/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-VLĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 01/2026/QĐ-MPH ngày 05/01/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Tổ C, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH M
Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T1 - Giám đốc (vắng mặt)
Trụ sở: Cụm C, khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài T2, sinh năm: 1996 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ F, khu phố E, phường T, thành phố Hồ Chí Minh

3. Bảo hiểm Xã hội cơ sở P1 (vắng mặt)
Trụ sở: đường N, khu phố V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu ngày 11/06/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết việc lao động, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Hoài T2 có quan hệ chị em bà con. Vào tháng 5/2012, bà có cho bà T2 mượn Giấy chứng minh nhân dân để xin việc làm tại công ty M.

Cũng tại thời điểm đó, bà có làm việc tại Công ty TNHH E địa chỉ tại: KCN Mỹ Xuân B, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh) và tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ. Số Sổ Bảo hiểm

xã hội của bà là 7714020331. Đến đầu năm 2025, bà phát hiện thời gian bà T2 lấy thông tin của bà làm việc tại Công Ty TNHH M có tham gia bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm xã hội là: 7713016203 cấp ngày 05/09/2012 do Bảo hiểm xã hội huyện T (nay là Bảo hiểm xã hội thành phố P1) cấp. Do đó, bà bị trùng 02 lần tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2014.

Vì vậy bà yêu cầu Tòa án tuyên các Hợp đồng lao động do bà T2 ký với tư cách Nguyễn Thị Hồng T và Công ty M vô hiệu, gồm: Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Đề nghị tòa án cho bà và bà T2 liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để điều chỉnh lại thời gian đóng bảo hiểm.

Tại Bản tự khai ngày 05/01/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoài T2 trình bày :

Trước đây, bà có mượn thông tin của bà Nguyễn Thị Hồng T để xin vào làm việc tại Công ty M. Bà đã ký 02 hợp đồng lao động với tên Nguyễn Thị Hồng T: Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013. Bà làm việc cho Công ty M từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2014. Quá trình làm việc cho công ty M bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203.

Theo yêu cầu của bà T, bà đồng ý tòa án tuyên Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 giữa bà Nguyễn Thị Hồng T với Công ty M vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Đề nghị tòa án cho bà và bà T liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để điều chỉnh lại thời gian đóng bảo hiểm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty TNHH M, bà Nguyễn Thị Ánh P trình bày:

Công ty M có ký hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Hồng T tại 02 hợp đồng: Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013. Quá trình bà T làm việc tại công ty, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà T theo Số sổ bảo hiểm xã hội số 7713016203.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu tòa án tuyên Hợp đồng lao động giữa Nguyễn Thị Hồng T với Công ty M vô hiệu: Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013. Lý do, bà Nguyễn Thị Hoài T2 là người thực tế ký và thực hiện các hợp đồng lao động trên.

Do đó, công ty M không có ý kiến về yêu cầu của bà T, cũng như yêu cầu đối với việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Đề nghị tòa án giải quyết yêu cầu của bà T theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 358/BHXH-QLT ngày 15/12/2025 về việc cung cấp chứng cứ của bà Nguyễn Thị Hồng T, Bảo hiểm xã hội cơ sở P1, thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1994, số CMND: 273588733, số CCCD: 077194009587, số sổ BHXH: 7712016203 có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Công ty TNHH M từ tháng 08/2012 đến tháng 04/2016.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ việc dân sự đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994, Khoản 1 Điều 17, Khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Lao động 2012. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 giữa Nguyễn Thị Hồng T và Công ty TNHH M (với mã số Sổ Bảo hiểm xã hội: 7713016203) vô hiệu.

Xác định người lao động theo sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203 không phải là bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994, số CCCD 077194009587. Bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Hoài T2 được quyền liên hệ với thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ Bảo hiểm xã hội mã số 7713016203.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu tuyên bố các hợp đồng lao động giao kết giữa bà T và Công ty TNHH M vô hiệu là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 33, Điểm d Khoản 2 Điều 35, điểm v Khoản 2 Điều 39Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên họp, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bảo hiểm xã hội cơ sở P1 vắng mặt không có lý do, sự vắng mặt của Bảo hiểm xã hội không ảnh hưởng đến việc giải quyết. Do đó, căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và Công ty M vô hiệu.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1994, số CMND: 273588733, số CCCD: 077194009587. Nơi cư trú: tại Khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh hiện có tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại 02 số Sổ Bảo hiểm xã hội: Số sổ BHXH: 7712016203 và Sổ sổ BHXH: 7714020331.

Quá trình làm việc tại tòa án cũng như tại phiên họp, bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Hoài T2 đều thừa nhận: Vào tháng 5/2012, bà T có cho bà T2 mượn Giấy chứng minh nhân dân để xin làm việc tại Công ty M. Sau đó, bà T2 đã lấy tên Nguyễn Thị Hồng T ký 02 hợp đồng lao động với Công ty M: Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013. Bà T2 làm việc cho Công ty M từ tháng 8/2012 đến tháng 4/2014 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203.

Việc bà T2 mượn giấy tờ cá nhân của bà T để giao kết hợp 02 Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 với Công ty M là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007. Do đó, việc bà T yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Hoài T2 đề nghị cho được liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để cải chính thông tin tại Sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203. Công ty M không có ý kiến về giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu

Căn cứ Khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bà Nguyễn Thị Hoài T2 là người lao động thực tế tại Công ty TNHH M từ tháng 08/2012 đến tháng 04/2016, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà T, bà T2 được quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để cải chính thông tin tại Sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc dân sự, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu lệ phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 33, Điểm d Khoản 2 Điều 35, điểm v Khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 149, Điều 361, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005

Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994.

Khoản 1 Điều 17, Khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51, Điều 52 của Bộ luật Lao động 2012.

Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2012 và Hợp đồng lao động số 6592/HĐLĐ ngày 19/7/2013 giữa Nguyễn Thị Hồng T và Công ty TNHH M (với mã số Sổ Bảo hiểm xã hội: 7713016203) vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ Bảo hiểm xã hội số 7713016203 không phải là bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994, số CCCD 077194009587. Bà Nguyễn Thị Hồng T và bà Nguyễn Thị Hoài T2 được quyền liên hệ với thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ Bảo hiểm xã hội mã số 7713016203.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị Hồng T 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0030501 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tp . HCM;
- VKSND tp . HCM;
- VKSND KV12 - tp . HCM;
- Phòng THADS KV12;
- Các đương sự;
- Lưu: vt, hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Thảo Nguyên